

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/05/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+P10	7:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
2		TD2+TD3+BK14	7:25	15+5+1	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
3		P9+BK10	7:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
4		P10+TD2+TD3	9:25	10+8+0	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
5		P2+BK6+CTK3	9:25	20+2+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
6		P2+P11	9:25	8+13	0+0		6+16	0+0	
7		P9+P3	11:25	17+0	0+0		17+5	0+0	
8		P6+TTC2+BK15	11:25	12+0+7	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 P6-TTC2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P3-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2024	TO: P3 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	P3					72	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P3	91	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
3	TRINH HOANG NGUYEN	P3	89	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THỊNH	P3	92	1	5		72	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN THỊ HẠNG	P3					50	NIPI	Vietnamese
6	АКОПОВ Д.А. AKOPOV D.	P10	49	1	7		85	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN TIẾN HOANG SƠN	P10	53-54	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	51	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HUYNH VŨ	P10	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BAO LAM	P10	50	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC HAI	P10	56-57	2	15		98	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC BA	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ BAO TRUNG	P10	58	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC THANH	P10	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	52	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	41	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LỢI	P10	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	55	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	3	15	332	0	2		
2	P10	17	18	112	1.278	0	20		
TOTAL		22	21	127	1.610	0	22		
WEIGHT KG				127	1.610	0			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2024	TO: TD2 - TD3 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	19	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	14-15	2	8		84	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	18	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	09	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	13	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THANH	TD2	23	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẠO VĂN ĐỨC	TD2	16-17	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN THUY	TD2	10	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU QUYNH AN	TD2	08	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	11	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
12	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	20	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HỮU HẬU	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
14	VÔ SĨ MINH TÂN	TD2	24-25	2	4		58	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ VĂN HÙNG	TD2	21-22	2	6		73	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	TD3	05	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	TD3					71	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÔNG VĂN THỊNH	TD3	32	1	5	10	65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	TD3	34	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM XUÂN MẠNH	TD3	33	1	4		69	PSV	Vietnamese
21	VÔ TRỌNG NHIÊN	BK14	46	1	16	35	58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	17	67	1.105	0	13		
2	TD3	5	4	21	361	10	6		
3	BK14	1	1	16	58	35	3		
TOTAL		21	22	104	1.524	45	22		
WEIGHT KG				104	1.524	45			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P9 - BK10	CREW: LTuấn - MTHAO - NNam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN A.	P9	87	1	12		119	KH-THAC	Russian
2	LÊ VĂN LINH	P9	84	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HIEU	P9	76-77	2	10		66	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P9	89	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HAI	P9	85	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THUY	P9	82	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO ĐỨC MINH	P9	83	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	78-79	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P9	86	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGỌC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH DIỆN	P9	88	1	6	15	68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH THUY (15598)	P9					76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	80	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9	75	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ SĨ BÌNH	P9	81	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HAI	BK10	67	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	69	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG ANH TUẤN	BK10	97	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	65	1	8	15	78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO TUẤN HUNG	BK10	68	1	4	50	53	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN THỊNH	BK10	66	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	15	15	83	1.140	15	13		
2	BK10	7	6	39	490	65	9		
TOTAL		22	21	122	1.630	80	22		
WEIGHT KG				122	1.630	80			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2024	TO: P10 - TD2 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CHI HIỆU	P10	47	1	10	15	72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	46	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THÈ MẠNH	P10	55-56	2	15		78	YTE	Vietnamese
6	HỒ NGỌC THANH	P10	49	1	6		55	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NĂNG	P10	53	1	8		63	PSV	Vietnamese
8	PHẠM MINH TÂM	P10	54	1	10		60	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH QUANG	P10	51	1	7		60	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN ĐỨC	P10	52	1	10		54	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TIỀN QUÂN	TD2	30	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	31	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HAI NGẠN	TD2	33	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG MINH SƠN	TD2	29	1	11		72	ANTOAN	Vietnamese
15	ĐO TIỀN DŨNG	TD2	32	1	5		57	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN BA HÙNG	TD2	27	1	10		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	TD2	36	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	HA TUẤN ANH	TD2	34-35	2	8		67	PSV	Vietnamese
19	VU NGOC HOAN	TD2	28	1	7		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	10	11	82	646	15	6		
2	TD2	9	10	72	607	0	12		
3	TD3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	21	154	1.253	15	22		
WEIGHT KG				154	1.253	15			

GRAND TOAL: 1.422 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2024	TO: P2 - BK6 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Huy	ETA: 11:44
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE ANH	P2	69	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU VAN DIEP	P2	79	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN DAT	P2	67-68	2	8		85	KH-THAC	Vietnamese
4	VO ANH NGOC	P2	13	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DINH DAI	P2	15	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	HA VAN TRUNG	P2	75	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
7	VU THANH LONG	P2	70	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG VAN THUAN	P2	65	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
9	LE CONG LUU	P2	80-81	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO QUANG THIET	P2	77	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DO	P2					64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN DANG TUAN	P2	49	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG TRONG THAO	P2	78	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN KHAC CAN	P2	76	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE NGOC THANG	P2	66	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG HOANG HIEU	P2	14	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI CONG THANH	P2	43-45	3	17		82	XAYLAP	Vietnamese
18	LE VAN QUANG	P2	46	1	13		76	XAYLAP	Vietnamese
19	LE TU KHA	P2	84.47	2	22		80	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN KHANH HUNG	P2					73	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HUY HOANG	BK6	62	1	6	30	78	ANTOAN	Vietnamese
22	NGO MINH PHUONG	BK6	63-64	2	22		90	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	23	187	1.466	0	18		CHUYEN 20 KG HANG P2-BK6
2	BK6	2	3	28	168	30	2		
3	CTK3	0	0	0	0	21	2		
TOTAL		22	26	215	1.634	51	22		
WEIGHT KG				215	1.634	51			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/05/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: P2 - P11	CREW: L Tuấn - MTHAO - N Nam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CÔNG CHÍNH	P2	30	1	10	35	69	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN DŨNG	P2	29	1	10	70	72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG THANH	P2	28	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TOÀN	P2	26	1	8		81	T-TIN	Vietnamese
5	NGÔ MINH TUẤN	P2	27	1	5		65	T-TIN	Vietnamese
6	ĐINH TUNG LAM	P2	22-23	2	16	18	68	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG PHÁT	P2	24-25	2	20		90	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN TẠO	P2	31	1	7		57	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P11	81	1	11		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯƠNG AN	P11	86	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY HÀ	P11	84	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	76	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	78	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN KIM THẠCH	P11	87-88	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P11	82-83	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	89	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HÙNG	P11	79	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P11	90-91	2	20	5	73	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TUẤN	P11	85	1	7		88	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	80	1	3		72	PSV	Vietnamese
21	LÊ THANH HẢI	P11	77	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	10	85	562	123	6		
2	P11	13	16	105	917	5	16		
TOTAL		21	26	190	1.479	128	22		
WEIGHT KG				190	1.479	128			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2024	TO: P9 - P3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: QViệt - ĐNam - DTùng	ETA: 14:00
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐÌNH THUẬN	P9	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN BĂNG	P9	64	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DUNG	P9	99	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HẢI	P9	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN CƯ	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO CHI	P9	65	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VĂN HẢI	P9	200	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P9	97	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG THANH	P9					70	PSV	Vietnamese
11	BUI VĂN QUÂN (1987)	P9	63	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN VIỆT	P9	96	1	5		80	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	94	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	92	1	5		74	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TRI	P9	95	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HUE	P9	98	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG TIẾN	P9	93	1	5		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	17	15	91	1.169	0	17		
2	P3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		17	15	91	1.169	0	22		
WEIGHT KG				91	1.169	0			

GRAND TOAL: 1.260 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/05/2024	TO: P6 - TTC2 - BK15	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VThắng - M.Đức - Toan	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO QUỐC VŨ	P6	92-93	2	13		69	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ QUỐC HUƠNG	P6	81	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN SỸ MỸ	P6	94	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN GIA HIỆU	P6	95	1	19		63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN PHU NAM	P6	85	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO HẢI TÙNG	P6	82	1	15	40	76	XAYLAP	Vietnamese
7	MAI CÔNG HUAN	P6	78-79	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HẸ	P6	90-91	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN BA QUÝ	P6	86-87	2	15	20	71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN PHÚC HIẾN	P6	88-89	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VĂN DŨNG	P6	80	1	15		87	XAYLAP	Vietnamese
12	NGÔ QUANG PHÚC	P6	83-84	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ TRUNG KIẾN	BK15	85	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	80	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THANG	BK15	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	82	1	13	40	54	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DƯƠNG HỒE	BK15	83	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	86	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐẠI ĐÌNH	BK15	84	1	4		66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CHI HA	BK15	87	1	20		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	18	183	845	60	0	0	CHUYEN 2 PAX P6-TTC2
2	TTC2	0	0	0	0	0	0	0	
3	BK15	8	8	62	570	40	22	22	
TOTAL		20	26	245	1.415	100	22		
WEIGHT KG				245	1.415	100			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN